

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2020/HS-ST
Ngày 23- 12 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Gia Ninh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Quang Định và bà Vũ Thị Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Diệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 132/2020/HSST ngày 26 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 12 năm 2020 đối với:

Bị cáo: **Bùi Văn N**; sinh ngày: 01/01/1971 tại thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: tổ 2, khu H, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn L (đã chết) và bà Bùi Thị V, sinh năm 1939; vợ: Nguyễn Thị Huyền, sinh năm: 1976 (đã ly hôn); con: có 01 con sinh năm 2000;

Tiền án:

+ Năm 2010 bị Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt.

+ Năm 2011 bị Tòa án nhân dân thành phố U xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 13/11/2011, chấp hành xong hình phạt.

+ Năm 2012 bị Tòa án nhân dân thị xã Q xử phạt 30 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Ngày 08/10/2014, chấp hành xong hình phạt.

+ Năm 2015 bị Tòa án nhân dân thành phố U xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 03/3/2016, chấp hành xong hình phạt.

+ Năm 2016 bị Tòa án nhân dân thành phố U xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 22/5/2017, chấp hành xong hình phạt.

+ Năm 2018 bị Tòa án nhân dân thành phố U xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 15/4/2019, chấp hành xong hình phạt.

+ Năm 2019 bị Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 08/6/2020, chấp hành xong hình phạt, chưa chấp hành xong phần án phí hình sự.

Tiền sự: không.

Nhân thân:

+ Năm 1994 bị Tòa án nhân dân thị xã U xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân”.

+ Năm 1995 bị Tòa án nhân dân thị xã U xử phạt phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”.

+ Năm 1997 bị Tòa án nhân dân thị xã U xử phạt 12 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

+ Năm 2005 bị Tòa án nhân dân thị xã U xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” và “Cố ý gây thương tích”.

Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ ngày 01/10/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

Bị hại: Chị Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm: 1981; địa chỉ: tổ 1, khu Đ, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 29/9/2020, Bùi Văn N (có 07 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”) một mình đi đến Khoa cấp cứu của Bệnh viện Việt Nam – Thụy Điển U thuộc phường T, thành phố U để cắt chỉ vết thương vùng đầu. Trong lúc ngồi chờ khám, N thấy chị Nguyễn Thị Thúy N đang nằm ngủ ở giường bệnh gần số thứ tự 06 và tại bàn sát đầu giường chị N nằm có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu vàng đồng đang cắm sạc nên N nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại trên mang về sử dụng. N tiến đến ngồi ở ghế nhựa cuối giường bệnh có số thứ tự 04, thấy chị N vẫn ngủ say nên tiếp tục kê ghế tiến sát đầu giường của chị N rồi dùng tay phải rút dây sạc điện thoại ra, lấy chiếc điện thoại trên giấu trong túi quần bên trái rồi về nhà, trên đường đi N tháo vát sim bên lẻ đường. Khoảng 23 giờ ngày 29/9/2020, chị N tỉnh dậy phát hiện bị mất điện thoại, nên ngày 01/10/2020, chị đã đến Công an trình báo.

Cơ quan điều tra đã rà soát camera an ninh tại bệnh viện, phát hiện N có biểu hiện nghi vấn nên đã triệu tập N đến xác minh. Biết không thể che giấu hành vi phạm tội, ngày 01/10/2020, N đã đến Công an thành phố Uông Bí đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và tự nguyện giao nộp lại chiếc điện thoại OPPO đã trộm cắp.

Bản Kết luận định giá tài sản số 46/KL-HĐĐGTS ngày 08/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu vàng đồng, máy cũ đã qua sử dụng có giá trị tại thời điểm và nơi yêu cầu định giá là 300.000đồng.

Giai đoạn điều tra, bị hại đã khai báo toàn bộ nội dung sự việc cơ bản như nội dung Cáo trạng. Cơ quan điều tra đã trả lại toàn bộ tài sản bị trộm cắp cho bị hại, **bị hại** không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số 136/CT-VKSUB-QN ngày 25 tháng 11 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Bùi Văn N về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ N quan điểm truy tố hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử:

- (1) Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn N phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.
- (2) Áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Văn N từ 12 đến 15 tháng tù thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 01/10/2020.
- (3) Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;
- (4) Về trách nhiệm dân sự: bị hại không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Uông Bí, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố U, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc xác định tội đối với bị cáo:

[2.1] Lời khai nhận tội của bị cáo Bùi Văn N tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng bị thu giữ và bản Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, cùng những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 22 giờ 30 phút ngày 29/9/2020, tại Khoa cấp cứu Bệnh viện Việt Nam – Thụy Điển U thuộc phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, Bùi Văn N đã lợi dụng sơ hở, trộm cắp của chị Nguyễn Thị Thúy N 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, trị giá 300.000 đồng để sử dụng cá nhân.

[2.2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trực tiếp đến quan hệ sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[2.3] Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2.4] Về nguyên nhân, động cơ, mục đích phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự, trị an ở địa phương. Mặc dù trước đó bị cáo đã bị Tòa án kết án nhiều lần nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng bản thân, lại tiếp tục phạm tội. Điều đó chứng tỏ thái độ coi thường pháp luật và kỷ cương xã hội. Vì vậy, cần phải xử phạt nghiêm minh.

[3] Về hình phạt đối với bị cáo: bị cáo phải chịu hình phạt về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3.1] Xét về nhân thân bị cáo thấy bị cáo có nhân thân xấu, thời gian trước đó đã bị xử lý hình sự nhiều lần.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo “*thành khẩn khai báo*” về hành vi phạm tội của mình và bị cáo đầu thú tại cơ quan Công an, khai nhận hành vi phạm tội của mình. Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước.

Hội đồng xét xử thấy cần thiết xử phạt mức án tương xứng với hành vi của bị cáo gây ra, cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[3.4] Hình phạt Bổ sung: Theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng nhưng xét thấy bị cáo Bùi Văn N hiện nay không có việc làm, không có thu nhập, đang bị tạm giam nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại toàn bộ tài sản bị trộm cắp cho bị hại, bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố: bị cáo Bùi Văn N phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bùi Văn N 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 01/10/2020).

2. Căn cứ vào: khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Bùi Văn N phải nộp 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- VKSND TP. Uông Bí;
- Công an TP. Uông Bí;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- THADS TP. U;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ; Lưu TA.(Th. L 09)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Gia Ninh